

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2018/KDTM-ST

Ngày: 30 - 11 - 2018

V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tô Thị Thanh Tâm.

2. Ông Vũ Tiến Thịnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Quỳnh Anh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Hà Vĩnh Châm, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2018/TLST-KDTM ngày 10 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐXX-ST ngày 10 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP C Việt Nam;

Địa chỉ trụ sở: Số 108, T, quận H, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Th, Chủ tịch HĐQT;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quang Th, Phó Giám đốc và ông Phạm Minh T, Phó phòng Tổng hợp - Ngân hàng TMCP C Việt Nam Chi nhánh Thái Bình; địa chỉ trụ sở tại Số 190, phố H, thành phố Thái Bình, tỉnh

Thái Bình; (văn bản ủy quyền số 749/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 08 tháng 8 năm 2017 của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP C Việt Nam). (có mặt)

2. *Bị đơn*: Công ty Cổ phần Thương mại xây dựng vận tải A; địa chỉ trụ sở: Số 791, đường L, phường H, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Mạnh H - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty. (vắng mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1949; địa chỉ: Số nhà 24, Ngõ 100, đường T, Tổ 26, phường B, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 5 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:***

Ngày 05 tháng 3 năm 2015 Ngân hàng Thương mại Cổ phần C Việt Nam chi nhánh Thái Bình (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và Công ty Cổ phần Thương mại xây dựng vận tải A (sau đây gọi tắt là Công ty A) ký Hợp đồng tín dụng số 01/2015-HĐTD với nội dung: loại vay ngắn hạn, hạn mức cho vay không vượt quá 600 triệu đồng, mục đích cho vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh vận tải hành khách, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất trong hạn tại thời điểm cho vay 09%/năm, thời hạn điều chỉnh lãi suất 01 tháng/lần, lãi suất phạt nợ gốc quá hạn bằng 50% lãi suất cho vay trong hạn. Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng trên, trong các ngày 09, 13 tháng 12 năm 2015 Công ty A đã ký giấy nhận nợ số 03, 04 với Ngân hàng với tổng số tiền vay là 600 triệu đồng.

Tài sản sản bảo đảm cho khoản vay trên gồm: 01 xe ô tô khách, nhãn hiệu DAEWOO, biển số đăng ký 17K-79XX, tên chủ xe là Công ty A, theo Hợp đồng thế chấp số 01-2008/HĐTC ngày 28 tháng 10 năm 2008 và văn bản sửa đổi, bổ sung, chi tiết tài sản; 01 xe ô tô khách, nhãn hiệu DAEWOO, biển số đăng ký 17K-9XXX, tên chủ xe là Công ty A, theo Hợp đồng thế chấp số 01-2009 ngày 05 tháng 01 năm 2009 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, chi tiết tài sản; quyền sử dụng đất 32m² và tài sản trên đất là nhà mái bằng 2,5 tầng diện tích sàn xây dựng khoảng 64m² tại Tổ 26, phường B, thành phố Thái Bình, tỉnh

Thái Bình, thửa đất trên đã được UBND thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y536379 ngày 14 tháng 9 năm 2004, sổ vào sổ 00589 QSDĐ/BX-TP, mang tên bà Nguyễn Thị L, theo Hợp đồng thế chấp số 01/2015/HĐTC ngày 09 tháng 6 năm 2015.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty A đã trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng, tiền lãi nộp hàng tháng từ thời điểm vay cho đến tháng 06 năm 2016 thì không trả tiền lãi nữa. Kể từ khi khoản nợ của Công ty A chuyển quá hạn, Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, gửi công văn đôn đốc nợ, Công ty A đã có cam kết trả nợ nhưng sau đó không thực hiện. Ngày 16 tháng 3 năm 2018, Ngân hàng gửi cho Công ty A thông báo nợ quá hạn, yêu cầu Công ty A thực hiện theo đúng nội dung cam kết và sắp xếp thời gian làm việc trực tiếp với Ngân hàng để có phương án xử lý với khoản nợ quá hạn, nhưng Công ty A không thực hiện. Như vậy, Công ty A đã vi phạm hợp đồng tín dụng, vi phạm cam kết trả nợ, không hợp tác với Ngân hàng trong việc xử lý nợ, xử lý tài sản bảo đảm tiền vay.

Nay Ngân hàng không chấp nhận bất kỳ một phương án nào mà Công ty A hay bà Nguyễn Thị L đã đưa ra, Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết:

1. Buộc Công ty A phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, số tiền lãi trong hạn, số tiền lãi phạt quá hạn theo hợp đồng tín dụng số 01/2015/HĐTD ngày 05 tháng 03 năm 2015, đến khi thanh toán xong khoản nợ, số tiền tạm tính đến ngày 30 tháng 11 năm 2018 là 717.223.125 đồng, trong đó nợ gốc 530.000.000 đồng, nợ lãi 187.223.125 đồng (bao gồm nợ lãi cộng dồn 125.838.750 đồng và lãi phạt cộng dồn 61.384.375 đồng).

2. Trường hợp Công ty A không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 01/2015/HĐTD ngày 05 tháng 03 năm 2015 thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền thi hành án tiến hành kê biên, phát mại các tài sản bảo đảm theo các hợp đồng bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

**** Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 21 tháng 8 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Mạnh H đại diện theo pháp luật của Công ty A trình bày:***

Công ty A có quan hệ tín dụng với Ngân hàng từ năm 2000 đến nay. Ngày 05 tháng 3 năm 2015 Công ty A và Ngân hàng có ký Hợp đồng tín dụng số 01/2015/HĐTD, theo đó số tiền vay là 600.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất trong hạn tại thời điểm cho vay 9%/năm, thời hạn điều chỉnh lãi suất 01 tháng/lần, lãi suất phạt nợ gốc quá hạn bằng 50% lãi suất cho vay trong hạn, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh vận tải hành khách. Tài sản bảo đảm tiền vay gồm 01 xe ô tô biển số 17K-79XX; 01 xe ô tô biển số 17K-9XXX; quyền sử dụng đất 32m² và tài sản trên đất là nhà mái bằng 2,5 tầng diện tích sàn xây dựng khoảng 64m² tại Tổ 26, phường B, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y536379, UBND thành phố Thái Bình cấp ngày 14 tháng 9 năm 2004 mang tên bà Nguyễn Thị L. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty A đã trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng, hiện Công ty A còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 530.000.000 đồng, số tiền nợ lãi chót theo số liệu của Ngân hàng đã cung cấp.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, quan điểm của Công ty như sau: Đề nghị Tòa án và Ngân hàng cân nhắc, xem xét đối với tài sản bảo đảm của bà Nguyễn Thị L, Công ty A mượn tài sản là nhà đất của bà L để vay tiền, sau đó Ngân hàng ghép nhà đất của bà L cùng với hai chiếc xe ô tô của Công ty A để bảo đảm cho một khoản vay của Công ty A là không đúng. Ngoài ra, khi ký hợp đồng và các giấy tờ liên quan, ông không đọc mà chỉ ký tên, thậm chí có lần còn ký không vào tờ giấy trắng để Ngân hàng hoàn thiện hồ sơ. Việc này ông chỉ biết trình bày như trên chứ không có căn cứ chứng minh. Hiện Công ty A không có khả năng trả nợ, đối với số tiền nợ gốc 530.000.000 đồng Công ty A đề nghị trả dần trong thời hạn 12 tháng, đối với số tiền nợ lãi đề nghị Ngân hàng miễn giảm toàn bộ. Nếu Ngân hàng không đồng ý phương án trả nợ trên, Công ty A sẽ bàn giao xe ô tô biển số 17K - 9XXX cho Ngân hàng để Ngân hàng khấu trừ toàn bộ nghĩa vụ trả nợ. Nếu Ngân hàng đồng ý các phương án trên, đề nghị Ngân hàng rút đơn khởi kiện, Công ty A sẽ lập bản cam kết trả nợ hoặc bàn giao

xe ô tô 17K - 9XXX cho Ngân hàng. Nếu Ngân hàng không chấp nhận hai phương án trên, đối với vụ án, Công ty A đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

**** Tại đơn trình bày đề ngày 07 tháng 9 năm 2018, biên bản lấy lời khai đề ngày 05 tháng 9 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị L trình bày:***

Thửa đất 32m² và tài sản trên đất là một nhà mái bằng 2,5 tầng, diện tích sàn xây dựng khoảng 64m² tại Số nhà 24, Ngõ 100, đường T, Tổ 26, phường B, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình là tài sản riêng của bà, thửa đất trên đã được UBND thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà là Nguyễn Thị L. Từ khi mua đến thời điểm hiện tại, nhà đất trên bà sử dụng ổn định, không có tranh chấp. Ngày 09 tháng 06 năm 2015 bà ký Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2015/HĐTC, theo đó bà đồng ý thế chấp tài sản là nhà đất trên để bảo đảm cho khoản vay của Công ty A tại Ngân hàng. Sau khi ký kết hợp đồng, Công ty A đã sử dụng khoản tiền vay và thanh toán trả nợ tại Ngân hàng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng như thế nào bà không biết. Đã rất nhiều lần bà yêu cầu anh H đại diện Công ty A lấy giấy tờ nhà đất về trả cho bà, anh H hèn lãn lữa nhưng vẫn không thực hiện. Bà khẳng định bà chỉ đồng ý thế chấp nhà đất của bà để bảo đảm cho khoản vay của Công ty A, còn sau đó Ngân hàng ghép giấy tờ nhà đất của bà cùng với hai chiếc xe ô tô biển số 17K – 79XX và biển số 17K – 9XXX để cùng bảo đảm cho khoản vay, bà không biết. Mặt khác, khi ký các hợp đồng và giấy tờ liên quan bà không đọc mà chỉ ký tên, thậm chí còn ký không vào tờ giấy trắng để Ngân hàng hoàn hiện hồ sơ.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, bà có quan điểm như sau: Một là, anh H phải có trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ tại Ngân hàng, sau đó lấy giấy tờ nhà đất trả về cho bà. Hai là, bà sẽ trả cho Ngân hàng số tiền 178.000.000 đồng, sau đó Ngân hàng trả lại giấy tờ nhà đất cho bà. Nếu Ngân hàng không chấp nhận phương án trên, bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo pháp luật.

**** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:***

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì; các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc buộc Công ty A phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi, và việc xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ; bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Đây là vụ án phát sinh từ hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng đối với Công ty A, các bên đều có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có địa chỉ tại thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

[1.2] Người đại diện theo pháp luật của Công ty A là ông Nguyễn Mạnh H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt ông H, bà L.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc Công ty A phải thanh toán tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn, thấy: Hợp đồng tín dụng số 01/2015-HĐTD ngày 05 tháng 3 năm 2015 giữa Ngân hàng và Công ty A được ký kết trên cơ sở tự nguyện, chủ thể ký kết hợp đồng là người có đủ năng lực

hành vi dân sự, đủ thẩm quyền để ký kết theo quy định của pháp luật, nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, do đó hợp đồng trên là hợp pháp. Sau khi ký hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty A vay số tiền là 600 triệu đồng thể hiện tại các giấy nhận nợ số 03 ngày 09 tháng 12 năm 2015, số 04 ngày 31 tháng 12 năm 2015, theo đó Công ty A đã cam kết nhận nợ đối với số tiền trên. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty A đã trả cho Ngân hàng số tiền 70 triệu đồng tiền gốc, tiền lãi đã nộp hàng tháng từ thời điểm vay cho đến hết tháng 6 năm 2016, sau đó đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng. Tính đến hết ngày 30 tháng 11 năm 2018 Công ty A còn nợ Ngân hàng số tiền là 717.223.125 đồng, trong đó nợ gốc là 530.000.000 đồng, nợ lãi là 187.223.125 đồng (gồm nợ lãi cộng dồn 125.838.750 đồng, lãi phạt cộng dồn 61.384.375 đồng). Yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc Công ty A phải trả tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi phạt quá hạn theo hợp đồng tín dụng số 01/2015/HĐTD ngày 05 tháng 03 năm 2015 đến khi thanh toán xong khoản nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[2.2.] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý tài sản bảo đảm cho khoản vay trong trường hợp Công ty A không thanh toán được nợ gốc, nợ lãi trên, thấy: Để bảo đảm cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 01/2015/HĐTD ngày 05 tháng 03 năm 2015, Công ty A đã ký hợp đồng thế chấp số 01-2008/HĐTC ngày 28 tháng 10 năm 2008, hợp đồng thế chấp số 01-2009 ngày 05 tháng 01 năm 2009 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, chi tiết tài sản để thế chấp tài sản gồm 01 xe ô tô khách, nhãn hiệu DAEWOO, biển số đăng ký 17K-9XXX, 01 xe ô tô khách, nhãn hiệu DAEWOO, biển số đăng ký 17K-79XX, là tài sản hợp pháp của Công ty A; bà Nguyễn Thị L ký Hợp đồng thế chấp số 01/2015/HĐTC ngày 09 tháng 6 năm 2015 để thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất 32m² và tài sản trên đất là nhà mái bằng 2,5 tầng diện tích sàn xây dựng khoảng 64m² tại Số nhà 24, Ngõ 100, đường T, Tổ 26, phường B, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà L. Tại thời điểm ký kết hợp đồng thế chấp, các bên có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, tài sản dùng thế chấp đều thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bên thế chấp,

việc ký kết là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, các hợp đồng thể chấp đều được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật, do đó các hợp đồng thể chấp đều hợp pháp và đúng pháp luật. Yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ trong trường hợp Công ty A không thanh toán được số tiền nợ gốc và nợ lãi trên là có căn cứ, phù hợp pháp luật, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[2.3.] Về các vấn đề khác: Tại Tòa án, ông Nguyễn Mạnh H, bà Nguyễn Thị L đều khai việc Ngân hàng ghép tài sản là nhà đất của bà L cùng với hai xe ô tô biển số 17K – 79XX và 17K – 9XXX để bảo đảm cho một khoản vay của Công ty A là không đúng; ngoài ra, khi ký các hợp đồng và giấy tờ liên quan, ông H, bà L đều không đọc mà chỉ ký tên, thậm chí còn ký khống vào tờ giấy trắng để Ngân hàng hoàn hiện hồ sơ. Xét thấy: Tại Điều 6 Hợp đồng tín dụng số 01/2015/HĐTD thể hiện các hợp đồng bảo đảm được xác lập trước hoặc cùng thời điểm ký kết hợp đồng này có quy định hoặc dẫn chiếu nghĩa vụ được bảo đảm bao gồm cả nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng này gồm hợp đồng thế chấp số 01-2018/HĐTC ngày 28/10/2008, hợp đồng thế chấp số 01/2009/HĐTC ngày 05/01/2009, hợp đồng thế chấp số 01/2015/HĐTC ngày 06/3/2015; và tại Điều 1 hợp đồng thế chấp số 01/2015/HĐTC ngày 06/3/2015 thì bà L đã đồng ý thế chấp tài sản của bà để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty A. Việc ông H, bà L trình bày khi ký hợp đồng và giấy tờ liên quan ông bà không đọc, chỉ ký tên, ký khống trên tờ giấy trắng, tuy nhiên ông bà không có căn cứ chứng minh, mặt khác, toàn bộ hợp đồng các bên ký kết đều có lời chứng của công chứng viên, theo đó các bên đã tự nguyện giao kết hợp đồng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung hợp đồng, các bên giao kết đã đọc lại hợp đồng và đồng ý với nội dung ghi trong hợp đồng, các bên đã tự nguyện ký vào hợp đồng trước sự có mặt của công chứng viên. Căn cứ vào nhận định trên, xét thấy lời khai trên của ông H, bà L là không có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận và không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, vì vậy bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 342, Điều 343, Điều 355, Điều 715 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 117, Điều 119 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần C Việt Nam.

2. Buộc Công ty Cổ phần Thương mại xây dựng vận tải A phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C Việt Nam toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng số số 01/2015/HĐTD ngày 05 tháng 03 năm 2015 hai bên đã ký kết. Tổng dư nợ tạm tính đến ngày 30 tháng 11 năm 2018 là 717.223.125 đồng (bảy trăm mười bảy triệu hai trăm hai mươi ba nghìn một trăm hai mươi lăm đồng), trong đó: Số tiền nợ gốc là 530.000.000 đồng, nợ lãi là 187.223.125 đồng (bao gồm nợ lãi cộng dồn 125.838.750 đồng và lãi phạt cộng dồn 61.384.375 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty Cổ phần Thương mại xây dựng vận tải A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần C Việt Nam thì lãi suất mà Công ty Cổ phần Thương mại xây dựng vận tải A vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C Việt Nam theo quyết định của Tòa án cũng sẽ

được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần C Việt Nam.

3. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu Công ty Cổ phần Thương mại xây dựng vận tải A không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần C Việt Nam có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm cho khoản tiền vay trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C Việt Nam, gồm:

3.1. Một xe ô tô khách, nhãn hiệu DAEWOO, biển số 17K - 79XX, đăng ký xe số 003XXX do Công an tỉnh Thái Bình cấp ngày 07 tháng 11 năm 2008, mang tên Công ty Cổ phần Thương mại xây dựng vận tải A;

3.2. Một xe ô tô khách, nhãn hiệu DAEWOO, biển số 17K - 9XXX, đăng ký xe số 003XXX do Công an tỉnh Thái Bình cấp ngày 15 tháng 01 năm 2009, mang tên Công ty Cổ phần Thương mại xây dựng vận tải A;

3.3. Quyền sử dụng đất 32m² và tài sản trên đất là một nhà mái bằng 2,5 tầng diện tích sàn xây dựng khoảng 64m² tại Số nhà 24, Ngõ 100, đường T, Tổ 26, phường B, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, thửa đất trên đã được UBND thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y536379 ngày 14 tháng 9 năm 2004, số vào sổ 00589 QSDĐ/BX-TP, mang tên bà Nguyễn Thị L.

4. Về án phí:

4.1. Ngân hàng Thương mại Cổ phần C Việt Nam không phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần C Việt Nam số tiền 15.600.000 đồng (mười lăm triệu sáu trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0007102 đề ngày 03 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

4.2. Công ty Cổ phần Thương mại xây dựng vận tải A phải nộp 32.688.925 đồng (ba mươi hai triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn chín trăm hai mươi lăm đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

5.1. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày 30 tháng 11 năm 2018.

5.2. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Lưu Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dương

